TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Công Gia
Ông Trịnh Ngọc Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiển sát viên.

Ngày 16/7/2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc P, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Ấp A, xã P2, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Ấp A, xã P2, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh P1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04/6/2021, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P1 tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P2 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/12/2016, việc kết hôn của vợ chồng là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh P1 không cho chị đi làm để kiếm thêm thu nhập nên cuộc sống vợ chồng càng khó khăn hơn, ngoài ra anh P1 lại không quan tâm đến chị, tình cảm giữa chị và anh P1 ngày càng phai nhạt, không còn yêu thương, chăm sóc cho nhau. Chị và anh P1 đã sống ly thân nhau từ năm

2020 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể về sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh P1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Lê Phú Q, sinh ngày 10/01/2018. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu Q cho anh P1 nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nợ bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào.

Tại bản tự khai ngày 18/6/2021, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ý kiến của bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận, lời trình bày của chị P về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân của vợ chồng là đúng sự thật, vợ chồng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là hai vợ chồng đang cùng buôn bán (Bán bánh mì ở Bến Tre), nhưng chị P không làm nữa, không thông báo cho anh biết mà đi tìm công việc khác và chuyển về huyện Tân Phú để sinh sống, nên buộc anh phải bỏ công việc ở Bến Tre để về huyện Tân Phú cùng với chị P. Thời gian đầu về huyện Tân Phú anh chưa tìm được công việc mới nên chị P cho rằng anh không đi làm. Vì vậy, giữa hai vợ chồng có xảy ra cự cãi, xung đột với nhau. Anh và chị P đã sống ly thân từ khoảng tháng 4/2021 cho đến nay. Nay chị P cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Lê Phú Q, sinh ngày 10/01/2018. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Vợ chồng không nợ bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị P đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao), trích lục khai sinh (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), bản tự khai (bản chính). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này bị đơn đã nhận được.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị P, anh P1 không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị P, cho chị P được ly hôn anh P1.

+Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Phú Q, sinh ngày 10/01/2018 cho anh P1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm thời, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh P1 không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị P phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị P có đơn khởi kiện ly hôn , tranh chấp về việc nuôi con với anh P1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và xác định chị P là nguyên đơn, anh P1 là bị đơn.

[1.2] Anh P1 là bị đơn, có nơi cư trú tại xã P2, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự , thì Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.3] Chị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc P theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016 chị P và anh P1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P2, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/12/2016. Như vậy, hôn nhân giữa chị P và anh P1 được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị P yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự , kết quả xác minh thực tế tại địa phương thể hiện: Chị P yêu cầu ly hôn với lý do anh P1 không cho chị P đi làm để kiếm thêm thu nhập nên cuộc sống vợ chồng ngày càng khó khăn, ngoài ra anh P1 lại không quan tâm đến chị P, tình cảm giữa chị P và anh P1 ngày càng phai nhạt, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc cho nhau. Anh P1 cũng thừa nhận vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, anh và chị P đã sống ly thân từ khoảng tháng 4/2021 cho đến nay. Nay chị P cương quyết ly hôn thì anh P1 cũng đồng ý ly hôn với chị P.

Qua xác minh tại địa phương đã xác định được gia đình chị P, anh P1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được.

Như vậy, có căn cứ xác định chị P và anh P1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chị P, anh P1 có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp chận yêu cầu của chị P, cho chị P được ly hôn với anh P1.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh P1 có 01 con chung: Nguyễn Lê Phú Q, sinh ngày 10/01/2018.

Khi ly hôn, anh P1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Chị P cũng đồng ý giao cháu Q cho anh P1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Lê Phú Q, sinh ngày 10/01/2018 cho anh P1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tạm thời chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh P1 không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Chị P và anh P1 trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị P và anh P1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc P.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị P được ly hôn với anh P1.

- *Về con chung:* Giao cháu Q, sinh ngày 10/01/2018 cho anh P1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh P1 không có yêu cầu. Chị P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chị P, anh P1 có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản chung: Chị P và anh P1 trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị P và anh P1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ *Về án phí:* Chị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai thu số 0004236 ngày 11/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chuyển thành án phí.

3/ Anh P1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P2 (để ghi vào sổ hộ tịch; số 69/2016 ngày 13/12/2016);
- Lưu HS – LT.

Nguyễn Bá Đại